

P. L. 2507

Năm thứ 7 - Số 63

刊月音圓

VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1943

IN TẠI NHÀ IN ĐƯỢC TUỆ
73, Rue Richaud, 73

HANOI

GIÁ 0\$25

Kinh cùng độc-giả yêu quý

Nhiều lần chúng tôi đã bày-tỏ cùng quý ngài những trường hợp rất đối khó-khắn, mà Viên-Âm đã trải qua một cách chật vật nhọc-nhàn và hơn nữa, những nỗi khó-khắn càng ngày càng tăng-tiến càng gắt-gao hơn, nhất là trong tinh-thế nghiêm trọng này.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn luôn luôn nỗ lực phấn-dẫu vững-trí diu-dắt Viên-Âm thẳng đường biến bước, cho nên nhờ ở lực-lượng Phật-gia-hộ và ở sự cộng-tác chật-chẽ của quý ngài, chúng tôi đã lo xuất-bản trọn được một niên-hạn 49-60, và hiện đã tiếp-tục ấn-hành tới số 63 và niên-hạn 61-72.

Tới đây chúng tôi nhận thấy bao sự cố-gắng của chúng tôi đã khiến cho Viên-Âm vượt qua được nhiều trở-lực về phương-diện ẩn-loát, giấy má mả-mở khó-khắn nhưng vẫn không tránh khỏi thiếu hụt về mặt tài-chính, vì lẽ có rất nhiều độc-giả đã nhận bắc-trọn năm mà chưa gởi trả tiền.

Với một nền tài-chánh rất eo hẹp vì một nguyên-nhân rất đáng phẫn-nản, chúng tôi không thể tìm thấy phương-pháp gi-mẫu-nhiệm để bảo-dảm cho Viên-Âm ra mắt quý ngài luôn luôn hàng-tháng được.

Đề bồ cùu khuyết điểm ấy, chúng tôi mong rằng những lời trăn-tinh trên đây sẽ được quý ngài lưu-ý và do đó, chúng tôi ước ao sẽ nhận được ngàn-phiếu của hết thảy quý ngài thề-tất cho tiền-bao về niên-hạn 19-69 và trả-trước về niên-hạn 61-72 luôn thề.

Như thế, tức là quý ngài đã đồng-lao cộng-tác với chúng tôi để ủng hộ cho Viên-Âm được trường-thọ.

Công-dức ấy thật là vô-lượng vô-biên vậy.

Nam-mô thường hoan hỷ Bồ-tát

Lê Quản-ly VIÊN-ÂM

PHẠM-VĂN-VI

TU⁹ - BI

Nam-mô A-Di-Phật



Thưa Quý Ngài, nói đến đạo Phật, thi lối tuồng ai cũng hiểu rằng đạo Phật là đạo TÙ-BÌ, vì đạo Phật lấy hai chữ ấy nêu làm mục-dịch, nên làm cơ-sở cho một đạo đầy cả sự sáng-lặng và cao quý hơn các học-thuyết khác cùng tôn-giáo khác. Nhưng lắm người còn lầm ý nghĩa hai chữ ấy với chữ Bác-ái của Mặc-tử, của Gia-Tô, hay lòng nhẫn-ái của Thế-gian, nghĩa là chỉ khuyên người ta làm lành lành dữ đó thôi; hoặc có kẻ cho Từ-bì nghĩa là vô-trí-giác như cây như đá, phải cũng chẳng biết, trái cũng chẳng hay, hơn nữa là như nhược không làm được điều gì có chí-khi, can-dám.

Thưa Quý Ngài, những lời bác-ái hoặc nhẫn-ái trên kia, tuy in tuồng như Từ-bì, song xét kỹ thi đó chỉ là lối thương yêu có hạn lượng đối với một xã-hội hay một đồng-loại mà thôi; còn TÙ-BÌ của đạo Phật thì không ngăn-mẽ, không cuộc trong đồng-loại, trong thời-gian... vì vậy nên đạo Phật cũng gọi là đạo Từ-bì Vô-thương, vượt hẳn các học-thuyết đạo-lý Thế-gian.

Kinh có câu: « Từ nǎng giữ lạc, bi nǎng bặt khổ » nghĩa là đức Từ của Phật ban cho chúng-

(1) Có nhiều Dao-hữu yêu cầu đăng lên Viện-đàn các bài thi của các Thầy đan lén up Cao-đẳng năm nay. Vài chúng tôi xin lần lượt đăng các bài xuất-sắc.

sanh mọi điều vui, đức Bí của Phật cứu-vớt chúng
sanh thoát-tý các điều khổ.

Chúng ta thấy từ trong gia-đinh cho đến ngoài
xã-hội, không người nào là không thương yêu.
Nhất là bà mẹ thương yêu con dại, phải chịu bạo
nhiều điều đắng cay khổ-sở vì con, mà không
bao giờ có lòng chán nản ; ngoài loài người, nhiều
loài cầm-thú, lầm khi vì lòng thương con quá
nặng, mà phải chết oan vì thuốc độc, vì lưới bẫy v.v.
Nhưng đó chỉ là lòng thương đối với con mình,
nên không sánh được lòng TÙ-BI của Phật là coi
Tam-giới như thân-phận, coi mọi loài chúng-sanh
như con một. Vì vậy nên cũng gọi Phật là Tam-
giới Đạo-sư, Từ-sanh Từ-phụ.

Thưa Quý Ngài, Phật, Bồ-tát, từ vô-lượng
kiếp trước đã phát Bồ-đề-tâm, trên hy-cầu Phật-
đạo, dưới hỏa-độ chúng-sanh, trong giây lát, trong
tháng năm, không lúc nào xa bỏ lòng Từ-bi cả,
vì rằng Từ-bi là chánh-nhân, là căn bản của Phật-
quả, còn chúng-sanh là trợ-duyên, là cảnh-duyên
để thành-tựu đạo-quả Chánh-giác. Vì vậy nên Phật
thường cẩn-dặn Bồ-tát muốn thành-tựu Phật-quả
trang-nghiêm thì trước phải phát Bồ-đề-tâm. Bồ-
đề-tâm như trên tôi đã nói là phát-tâm thương
cầu hạ-hóa, mà thương-cầu hạ-hóa, ấy là gốc ở
lòng Từ-bi mà ra.

Bồ-tát trong hàng ngày tu-hành lục-độ cũng
gốc ở lòng TÙ-BI mà ra. Bồ-tát vì xem thầy mình
và tất cả chúng-sanh đều có tánh sáng suốt thành

Phật, tánh ấy vẫn trong-sạch không tham lam, không độc-ác, không hờn-giận, không lười nhác, không tán-loạn, không ngu-si. song vì chúng-sinh đe cho các tánh tham-lam, hờn-giận v.v.. làm ô-nhiễm, làm cho khờ mãi trong luân-hồi, nên chính Bồ-tát tu lục-độ cũng vì lòng TÚ-BI muốn minh và chúng-sanh đồng thành Phật-đạo.

TÚ-BI của Phật không đồng với lòng thương ô-nhiễm của thế-gian, không cuộc vào thời nào, cảnh nào và cao-thượng hơn cả là vì có ba lối Tú-bi như sau này :

1. Chúng-sanh duyên-tử.
2. Pháp giới duyên-tử.
3. Vô duyên tử.

Chúng-sinh duyên-tử là lòng Tú-bi của Phật do sự đau-khổ, lòng cău-nguyệt của chúng-sanh mà cảm-ứng. Phật tuy coi chúng-sanh đồng như con mọt, dù thân, dù sơ, dù quá-khứ, hiện-tại, vị-lại vẫn không có chút chi không bình-đẳng, song đức Tú-Ấy chỉ theo duyên của chúng-sanh, mà phat, vì rắng lòng Tú của Phật ví như mặt trăng vẫn chiếu tất cả, không phân-biệt nơi nào, song nơi nào có nước mới có mặt trăng hiền-hiện. Phật cũng như bà mẹ hiền hằng thương nhớ chúng-sanh, thấy chúng-sanh càng đau-khổ thì càng muốn cứu vớt, song vì căn-duyên có khác, nên kẻ được thám-nhuần ơn TÚ-BI, còn có kẻ thấy Phật muôn xa, không đủ thiện-căn thì chưa được gặp Phật.

Nên trong kinh Lăng-nghiêm đã nói : « Thập-phương chữ Phật, là i-niệm chung-sanh, như mẫu-ức tử, tử như ức mẫu như mẫu ức thời, Mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn »; thì đủ rõ chung-sanh duyên-tử của Phật.

Pháp-giới duyên tử là Phật không duyên cơ-cảm mà hóa-độ như trên, mà ngài chỉ duyên nơi toàn-thề Pháp-giới mà lợi-hóa chung-sanh. Toàn-thề Pháp-giới, chính Phật và chung-sanh vẫn đồng một thề áy, nên chung-sanh còn khồ thì Phật chưa hoàn-toàn Niết-bàn, chung-sanh chưa thoát luân-hồi là Phật còn vào sanh-tử để hóa-độ. Đó là Phật duyên, toàn-thề Pháp-giới mà hiện đức Tử-bi hóa-độ vậy.

Vô-duyên tử. — Ngoài hai món duyên trên ra, Phật còn có món Vô-duyên-tử; Ngài đã dày công tu-hành đặng bắt-tư-nghi vô-tác diệu-dụng, nên không luận chung-sanh nào, thời gian nào, Ngài không cần duyên theo tâm-niệm chung sanh, không cần duyên theo thề-tánh Pháp-giới, Ngài không cần tác-ý, không rời Chân-như mà hiện làm Phật-sự, ấy gọi là Vô-duyên-tử.

Hai chữ TỬ-BÌ của đạo Phật, cao-thượng như vậy, lòng Từ bi thương yêu chung-sanh, cứu-vớt chung-sanh, thoát ngoài vòng sanh-tử, rất khác hẳn với lòng thương của người đời, chỉ thương giúp những người đồng-loại đồng giòng giống với mình, hơn nữa là lòng thương của người đời lâm khi gày những án-oán nặng-nề, chẳng biết lúc nào

hoát khỏi vòng sanh-tử, chính lòng Từ-bi của Phật á-cứu vớt lòng thương của người đói ra khỏi vòng thương yêu chật hẹp.

Nói tóm lại, Từ-bi là cội gốc của tất cả Pháp-ánh, của tất cả hạnh Bồ-tát và chư Phật. Ngoài funkc Từ-bi thi không lấy gì làm căn-cơ cho Phật-ứ tu-hành Phật-đạo, và ngoài hai chư Từ-bi thi không lấy gì làm mục-dịch cho Phật-giáo. Từ-bi là mục-dịch của Phật-giáo, người Phật-tử há lại không cõi-gắng noi theo gương Phật để làm rõ ràng mục-dịch ấy ra sao!

VÔ-TRỌNG-TƯỞNG

Học-sanh lớp Cao-đẳng trường An-nan Phật-học hội



PHẬT-PHÁP VĂN ĐÁP

Hỏi : Luận Đại-thừa Khởi-tín nói rằng : bất sanh-diệt và sanh-diệt hòa-hợp phi-nhất phi-dị gọi là A-lại-gia-thức. Ông gọi là bất-sanh-diệt sao lại có thể cùng sanh-diệt hòa-hợp, và cùng với sanh-diệt phi-nhất phi-dị được ?

Đáp : Bất-sanh-diệt là tánh, sanh-diệt là tướng. Tánh tuy bất-sanh, nhưng tùy duyên khởi tướng ; tướng do tánh khởi, tánh và tướng không rời nhau, nên gọi là hòa-hợp.

Tánh ví như tánh ướt, tướng ví như sóng. Tánh ướt với tướng tuy không rời nhau, nhưng tánh là bất-sanh-diệt, tướng là sanh-diệt, tánh không phải tức là tướng, tướng không phải tức là tánh, nên không phải một. Vì như tánh ướt với sóng, tuy không rời nhau, nhưng sóng thì có khi khởi khi diệt, còn tánh ướt thì vẫn thường trú, nên sóng không phải tức là tánh ướt.

Tánh với tướng tuy không tương-tức, nhưng ngoài tánh không có tướng, ngoại tướng không có tánh, tướng và tánh vốn không rời nhau. Nên không phải dị. Vì như tánh ướt với nước tuy không tương-tức, nhưng ngoại sóng không có tánh ướt, ngoại tánh ướt không có sóng, tánh ướt với sóng không phải rời nhau.

H. — Trong kinh Lăng-Nghiêm có chỗ nói người tu-hành thấy Phật-quốc hiện-tiền mà gọi là Sắc-ām-ma ; còn hành-giả tu pháp-miền Tịnh-dó thấy Phật-quốc hiện-tiền thì gọi là thảng-cảnh, như vậy trong Thành-giáo cũng có chỗ mâu-thuẫn với nhau hay sao ?

B. — Hai chỗ đó đều không mâu-thuẫn nhau, vì tê sau này :

Trong kinh Lăng-nghiêm nói, hành-giả thấy Phật-quốc hiện-tiền, mà gọi là Sắc-ām-ma là vì hành-giả

khi Sắc-đam chưa trù, ở trong định vốn không có ý quán Phật-quốc, nên thấy Phật-quốc hiện-tiền thi dễ nhận cảnh ấy là ngoại-cảnh, nhân đó có thể phát-sanh Thánh-giải và phải sa-đọa.

Còn hành-giả tu Tịnh-độ vốn tác-ý quán Phật-quốc, nếu khi Phật-quốc hiện-tiền thi liền nhận cảnh ấy do quán-hạnh thuần-thục mà biến-hiện. Nhân đó quyết không có tà-chấp như trên và có thể tăng-tiến trên đường tu-tập.

Trái lại, nếu người tu định Thủ-lăng-nghiêm nhận biết Phật-quốc ấy do tâm hy-vọng-tạo thành, thi cảnh ấy cũng là thảng-cảnh. Còn người tu Tịnh-độ thấy Phật-quốc mà tư-phu là giác-ngộ thi cảnh ấy cũng có thể thành ma-cảnh.

Vậy mới biết cảnh tùy tâm hiện, trong tâm còn có sở-đắc mà nói rằng chứng rằng ngộ thi cảnh nào cũng là ma-cảnh cả; trái lại, nếu biết tự-lượng, tuy tu mà không có tướng tu, tuy chứng mà không có tướng chứng, thi cảnh nào cũng có thể thành thảng-cảnh. Xem những lẽ trên, thi biết trong thánh-giáo tuy có chỗ-in tuồng khác nhau nhưng vẫn một mục đích giác-tha, không hề mâu-thuẫn.

H. — Trong luận Quảng-Bách, nghĩa Không dữ bát không, phân biệt thế nào cho đúng?

D. — Nghĩa Không và Bát-Không của Luận Quảng-Bách rất khác với nghĩa Không và Bát-Không của Khi-tiu-luận.

Trước khi phân-biết nghĩa Không và Bát-không của Quảng-Bách-luận ta hãy xé qua ý-thú của Luận Quảng-Bách.

Luận Quảng-Bách thuộc bộ Bát-nhã. Ý-thú là ngăn tinh-chấp mà chỉ rõ thật-tướng của các pháp; hiện-thật chủ-nghĩa. Thật-tướng của các pháp bản-lai như vậy, xa lìa lẽ có, không, hay cả từ-cú bách-phi. Ngoại đạo phàm-phu mê-lầm, không nhận được nên

sanh chấp có, chấp không v.v... .

Phật-dà do hiện-lượng-trí thân-chứng-thật-tưởng các pháp. Thật-tưởng của các pháp vốn ly-ngôn, nhưng Phật-dà phương-liện dùng các môn chán-tuez mà nó có, nói không. Người nghe pháp không trực nhận được lai sanh chấp có, chấp không, như các Ngài trong phái Tiêu-thừa và một ít Ngài trong phái Đại-thừa, mà không biết rằng các lẽ có, không, cho đến từ-cú, bách-phi để vọng-tinh phân-biệt mà có, chờ thật-tưởng bỗn-la vẫn là thật-tưởng như-như, xa lìa tâm-tư, ngôi-thuyế và danh-tưởng.

Bộ Luận Quảng-Bách do Ngài Thánh-Thiện và Ngài Hộ-Pháp ý theo thật-tưởng các pháp mà phá-trúc cá tinh chấp có, không, của Thánh-phẩm ấy. Lấy khôn phá có, lấy có phá không v.v...cho đến 4 câu, lõi đều tiêu-diệt.

Do ý-thú dō, chúng ta mới phân-biệt nghĩa Khôn và Bất-không của Luận Quảng-Bách một cách rõ ràng.

Không là tiếng nói giả-thuyết để phá các tinh chấp mà chính nó cũng bất lập.

Bất-không là vọng-tinh chấp các pháp là có, không v.v...Cho đến còn khởi-tâm-tác-tưởng, hữu s đắc, đều là bất không.

Nhưng chấp có là bất-không thì phải, còn chấp Không sao cũng thuộc bất-không? Như trên đã - thật-tưởng của các pháp bỗn-lai như thị, xa lìa không. Nay chấp không tức là mê thật-tưởng, vì cái không là tướng sở-đắc, nên cũng thuộc về không.

Nói tóm lại « Đãn giả kỵ phi, bất ngôn kỵ thí » đó là ý-thú của Luận Quảng-Bách.

PHẬT-GIÁO TRIẾT-HỌC

của PHẠM-VĂN HÙM TIỀN-SANH

Gần đây Phạm-văn-Hùm-tiền-sanh, một nhà văn-học và một nhà xã-hội-học có tiếng hiện-đại đã cho xuất bản một quyển Phật-Giáo Triết-Học. Với cái danh-tiếng của tiền-sanh, quyển Phật-Giáo Triết-Học đã xui duc độc-giả nô-nức dành mua. Rằng về phần tôi vì muốn nghiên-cứu trào lưu tư-tưởng và cũng vì lòng hờ tri Phật-Pháp, tôi cũng tìm xem quyển sách ấy, một quyển sách đã làm tôi để ý từ khi vừa nghe nhà Tân-Việt quảng cáo. Tôi đã lần đầu từng trao, mừng thấy giáo-pháp của Phật chúa sáu trong Kinh-diễn Hán-văn, nay được tiền-sanh phô-bày ra bằng những trao quoc-văn đơn-giản và mừng cho Phật-giáo hiện nay đã phổ thông trong tư-tưởng quần-chúng, không còn là một triết-học thâm-huyền, chỉ dành riêng cho tín-đồ tham-cửu.

Tôi nhận thấy phần nhiều tài-liệu trong quyển đó, tiền-sanh đã rút trong quyển Phật-Giáo Triết-Học của một nhà triết-thuật Nhật-Bản tên là Tiểu-giả Thanh-Tú, do Thương-Phật dịch ra Hán-văn, và do Thương-vụ-án quản xuất-bản.

Phan tiền sanh có công nghiên cứu, có công giảng giải nhiều, nhưng vì quyển sách làm tài-liệu cẩn-bản cho tiền-sanh có nhiều chỗ không đúng chánh-pháp, thành thử quyền Phật-Giáo Triết-Học của tiền-sanh cũng có nhiều đoạn sai-lầm, thiệt rất đáng tiếc.

Muốn cho công đức của tiền-sanh được viễn-mãn, và muố tránh các điều ngộ-nhận cho độc-giả, tôi buộc phải viết bài biện-chánh này, trông mong Tiền-sanh vui lòng thừa nhận các chỗ sai-lầm ấy, để sửa

chữa lại quyền Phật-Giáo Triết-Học nếu có dịp tái-bản, thì may-mắn cho độc-giả và cho Phật-giáo nhiều tâm-Bản-ý của tôi đã nêu rõ, xin lxin-lượt theo từng trang mà biện-chánh.

Trang 132, về lịch-sử của Phật, tiên-sinh viết là tương-truyền mà không dẫn rõ các kinh-diễn đã ghi chép lịch-sử của Phật, đến đó có thể làm cho Độc-giả nghĩ là một chuyện chỉ khẩu-truyền với nhau, không có sự-sách làm bằng-cớ.

Trang 44, về mục « chuyen-phap-luan » tiên-sanh viết : « Pháp-luan có 3 vòng, 12 đoạn » mà tiên-sanh không giải rõ ba vòng gì, 12 đoạn gì, làm cho độc-giả tưởng-tương một pháp-luan kỳ dị, không ai hiểu được. Thiệt ra, luân nghĩa là bánh xe ; pháp của Phật ví dụ như bánh xe dẻ dẹp các phiền-não mê-lầm và thực-hiện chán-như bình đẵng. Lại bánh xe tùy phương vận-chuyển cũng ví như pháp của Phật tùy theo cõi-cõi mà có quyền, có thiệt, có tiệm, có đốn, Phật đem thân, khẩu, ý mà truyền pháp, thành ra có Tam-luan tóm lại có 12 bộ kinh, chỉ dạy con đường tu-tập.

Lại, tại vườn Lộc-uyên, trong khi Phật chuyền pháp ban đầu, Phật dạy 3 lần về Pháp Tứ-đế, lần đầu chỉ về đạo-lý Tứ-đế, lần thứ hai chỉ về lời tu-chứng Tứ-đế, lần thứ ba chỉ về đạo-quả Tứ-đế, cũng gọi là Tam-chuyển Pháp-luan. Như vậy trong Tứ-đế đều có Tam-chuyển Pháp-luan, thành Thập-nhị-hành : đó là cái nghĩa 3 vòng 12 đoạn của Pháp-luan vậy.

Trang thứ 46 về vườn Cấp-cô-độc, tiên-sanh giải nghĩa sai nhiều. Vì theo trong kinh-diễn, Cấp-cô-độc là biêt-hiệu mà người ta tặng cho vị trưởng-giả Tu-đạt-Đà và vì ấy sâu lồng từ-thiện giúp đỡ cho những người mồ-côi góa-bacula. Sự-tích vườn Cấp-cô-Độc đã ghi-chép trong nhiều kinh-diễn, Phan tiên-sinh nên xem lại thì rõ.

Trang 52, sau khi nói về hai phái Đại-chung và Thương-tọa, tiên-sanh viết tiếp « và ta gọi nó là phái Đại-chung vì bởi nó dung-nạp bắt đầu là phần - tử nào trong xã-hội muốn quy-y. Nó không như phái Thương-tọa chỉ nhận cho vào tăng-gia những vị Bhiksu mà thôi. » Đoạn này hẳn sinh-sanh đang còn lan-man bởi hai danh - từ quy-y và xuất-gia làm Bhiksu. Thiệt ra 2 phái Đại-chung bộ và Thương-tọa bộ đều có chung xuất-gia (những vị xuất-gia tho cù-túc-giới thì gọi là Bhiksu tức là Tỷ-kheo) và chung tại-gia, lẽ nào Thương-tọa-bộ lại không cho ai quy-y cả. Sự chia 2 bộ ấy đã khởi-điểm từ lúc kiết-lập kinh-diễn, khi mà các vị Đại-A-la-hán nhóm nhau kết-lập tại Kỳ-xà-quật không cho các hàng tăng-chung chưa đoạn hết tư-hoặc vào dự. Vì vậy nên trong Đại-chung lại nhóm riêng ngoài Kỳ-xà-quật cùng kiết-lập kinh-diễn, cũng có nhiều vị Bồ-tát, nhiều vị Nhị-thứa Thánh-nhân chủ-tọa. Song sau khi trong Kỳ-xà-quật và ngoài Kỳ-xà-quật kiết-lập xong, toàn-thể đệ-lử Phật vẫn dung-nhān nhau, công nhận kết quả của hai bên và không chia rẽ. Tuy vậy sự truyền Pháp của 2 phái đã thiên về các kinh-diễn đã kiết-lập, thành-thứ vè sau lin-dò đạo Phật mới chia ra 2 bộ là Đại-chung-bộ theo bên ở ngoài Kỳ-xà-quật và Thương-tọa-bộ theo bên ở trong Kỳ-xà-quật. Phái Thương-tọa thì có phần bảo-thủ, phái Đại-chung thì có phần tăng-liền, nhưng thiệt ra chỉ khác nhau về một vài chi-tiết mà thôi.

Trang 60, nói về sự truyền y bát, tiên-sanh có viết rằng : « Vì ngài Tuệ-năng cho lin-căn của đệ-lử mình đã thuần thục rồi, nên không cần phải truyền y bát nữa ». Thiệt ra thi chỉ vì muốn tránh các cuộc tranh-danh tương-lai, nên Ngài không truyền y bát mà thôi (kinh Bảo-dàn).

Trang 82, về *Niết-bàn* nói : « *Kiến-giải* không đồng nhất » Thiết ra thì trong Phật-giáo giải nghĩa *Niết-bàn* nhiều cách nhưng dù nói ly-sanh diệt, xuất-ly-phiền-não, viên-mãn thanh-lịnh, giải-thoát, an-lạc, v.v. v.v... cũng chỉ là nêu đức-tánh của *Niết-bàn*, chứ không phải không đồng-nhất.

Trang 84, về *Thuyền-na* (*Dhyāna*), tiên-sanh viết : « *Thuyền-na* là phép minh-tưởng của Phật giáo bày ra để di tìm chánh-kiến, đặng chủ các giác-quan, cho đến chỗ đạt hạnh-phúc. Nhờ tu-hành đi vào rừng tìm một gõe cỏ, hoặc một khoảng đất trống ngõi xếp bằng, minh thảng lèn rồi khởi sự tư-niệm : trong khi ấy chầm-chỉ hit vô thật dài, chầm-chỉ thở ra thật dài. Thở hit như vậy đều nhặt kỹ, đều tìm khoái-lạc trong đó » Đoạn này nhiều chỗ sai lầm. Vẫn biết *Thuyền-na* là một lối minh-tưởng, nhưng minh-tưởng để làm gì ? — để tìm chánh-kiến, nghĩa là tìm lối giác-ugò chán-chinh, Vậy không hạn phải đi vào rừng sâu non thẳm mới tu được, duy những chỗ thanh-vắng có phần làm cho dễ trầm-ur mạc-tưởng hơn mà thôi. Phép tu thuyền không hạn chỉ về quán sô-túc (quán theo hơi thở như tiên-sanh đã nói), dù quán Ngũ-dinh-tâm, Tứ-niệm-xứ, bát-bội-xá v.v... của Tiều-thừa, hay quán Chân-không, quán Như-huyễn, quán Viên-thông của Đại-thừa, cũng đều là tu thuyền cả. Ngoài các phép đó lại còn có Tồ-sư-thuyền là phép tham thoại-dẫu, « trực-chỉ chán-tâm, kiến-tánh thành Phật » là lối tu căn-bản của *Thuyền-na*. Các phép tu *Thuyền* đều cốt trù phiền-não, diệt vọng tưởng để cho tâm được thanh-tịnh ráng suối, nhận rõ thực-tánh của vũ-trụ. Đầu phải chỉ cốt làm khodi-lạc hạnh-phúc trong khi minh-tưởng.

Trang 111, nói về pháp vô-ngã, không những chỉ riêng cho thân-tâm, (như tiên-sanh đã làm-nhận),

mà chính là chỉ rõ tất cả sự vật đều do nhân-duyên-giả-hiệp mà thành không có tự-tánh.

Trang 112, về hai thuyết chư hành vô-thường và chư-pháp vô-ngã, tiên-sanh giải thích ra 2 đường, kỵ-thiệt-cảnh-giới không-tịch và cảnh-giới vô-vi, không hề sai khái.

Và trong các trang sau nói về hiện-lượng, tý-lượng và phi-lượng, kiến-giải của tiên-sanh có nhiều chỗ sai-lầm : tiên-sanh nên coi lại các bộ Luận về Pháp-tường-tôn để nhận rõ chỗ ấy. Thịết ra thì chán hiện-lượng chỉ duyên với cảnh-giới lý-ngôn, chán tý-lượng chỉ mượn theo thực-tế mà sánh đúng với chánh-lý, ngoài ra thì toàn là phi-lượng là lỗi nhận xét không đúng sự thật. Trong phi-lượng gồm có 3 phần là tơ-tý-lượng duyên với danh-ngôn-cảnh mà cho là hiện thật, tơ-tý-lượng so sánh sai lầm không hợp chánh-lý và phi-lượng nhận điều này ra điều khác. Vây phi-lượng quyết định không thể đưa đến chỗ nhận biết thực-tế như tiên-sanh làm tưởng. Sự lầm tưởng ấy chỉ vì Tiên-sanh hiểu sai ý nghĩa câu « tình hữu lý vô » trong các Luân Duy-thức. Theo Phật-giáo thì duy có chán Hiện-lượng mới trực-nhận được thật-thể của vũ-trụ và đây có chán tý-lượng mới nhận biết đạo-lý chánh-chính, như trong Nhân-minh-nhập-chánh-lý-luận (không phải bắt-chánh-lý-luận) đã dạy.

Trang 137, về giới-luật lý-dục tiên-sanh quên rằng trong sáu phép Ba-la-mật, có phép trì-giới ba-la-mật là phép tu lý-dục.

Trang 155, tiên-sanh dịch lầm nghĩa câu : « đối ư Cuxá, khả vị toàn qui ư Không luận hữ », nên tưởng lầm rằng : Câu-xá-luận rốt cuộc cũng quay về Không-luận.

Trang 172, giác-định-tánh nên đổi lại Duyên-giác-định-tánh cho đủ nghĩa.

Trang 209 về chán-nhur, Tiên-sanh đã nhận lầm

ý nghĩa của phi-lượng thì quyết định khó bề nhận
đúng ý nghĩa của chân-như, là pháp thâm-thám và
diệu mà những người mới học đạo không thể nhận rõ.

Ngoài những chỗ sai lầm đã kể trên kia, tiên-sanh
hay dùng những danh-từ mới như dùng vương-tâm
thê cho tâm-vương, làm cho độc-giả khó hiểu.

Lại Tiên-sanh có thuật tư-tưởng của xứ Ấn-độ
trước khi đức Thích-ca ra đời mà không chỉ rõ sự
liên-quan và chỗ sai khác của hai bên.

Ngoài ra, tiên-sanh còn dùng tư-tưởng xã-hội theo
thuyết «vật chay-en tâm» mà phán luân về đời sống
của đức Phật Thích-ca và sự hoằng-dương đại-thừa
của Ngài Mā-minh Bồ-tát; thiệt ra thì không phải
như tiên-sanh iầm-tưởng, vì Phật-giáo tuy có tùy-
duyên thiêt, nhưng lúc nào cũng lấy «tâm chay-en vật»
để đưa đến con đường giải-thoát duy-nhất mà thôi. Các
pháp Đại-thừa và Tiểu-thừa đều sẵn có trong các kinh-
diễn, tuy về mặt hoằng-dương thì tùy theo cơ-duyên hiện-
thời mà truyền-bà về Đại-thừa hay Tiểu-thừa mà thôi.

Bên như trong các đoạn tiên-sanh viết về đức
Phật A-Dì-dà, sự sai lầm là một việc tất-nhiên, vì
đạo-lý trong các kinh về Viên-giáo rất khó nhận hiểu.

Kết luận bài biện-chánh này, tôi xin thành-thực tỏ
lời cảm-tạ tiên-sanh đã để ý nghiên-cứu Phật-giáo, đặc
tài-liệu tiên-sanh dùng không đúng và thiếu thiện-hữu
giúp-dữ nên có những điều sai lạc như đã nói trên kia.

Bài tựa của tiên-sanh lời lẽ rất hay, tôi rất
biết đồng-tinh, trong mong Tiên-sanh gắng nghiên-
cứu thêm về Phật-pháp, để nhận rõ chánh-lý của
đạo Phật, thi với ngòi bút lưu lợi của tiên-sanh, toàn-
thê của nhân-loại chắc được nhiều phần lợi-lạc. Đầu
đó tôi xin nhất-tâm hink-huong đánh chúc.

MẬT-THÈ

LÝ-THUYẾT VÀ THỰC-HÀNH

Đạo Phật trọng lý-thuyết hay trọng thực-hành?

Đây là một vấn đề cần được giải quyết để phán định điều ngô nhãnh của một số người tin theo Phật-giao, hoặc người tuy không tin mà có cảm-tình, thường để ý đến các Phật-sư.

Có người chê rằng : đạo Phật không ích-lợi thiết-thiết gì cho nhân-sanh, chỉ toàn là lý-thuyết mà không thấy thực-hành. Nói từ-bi mà không tông-chức những công-cuộc phu-tri-thiện, cừu-tể ; nói bình-đẳng mà không hề bồ-cứu những nỗi bất-công trong xã-hội. Và để kết luận, họ cho đạo Phật chỉ là một triết-lý suông, một môn giải-trí cho những bộ óc già, không hoạt-động.

Người để ý đến vấn-de này có thể chia ra làm hai hạng :

a) Có người phần đông là thanh-niên, ưa hoạt-động, thích phụng-sư, tin Phật vì mến chủ-nghĩa lợi-tha siêu-việt của đạo Phật, vì muốn nương vào một lòng tin sùng-suốt, một đoàn-thể mạnh mẽ để thiêt-hành lý-tưởng tốt đẹp của tuổi trẻ. Sống hiện-tinh của các hội Phật không thỏa chỗ mong ước ấy. Hội thường chỉ chăm lo thuyết-pháp giảng dạy, trong lúc ngoài xã-hội còn bao nhiêu việc cấp-biết cần phải làm, bao nhiêu người đau khổ cần được cứu-giúp. Nếu lòng tin chưa vững, họ có thể nghĩ rằng đạo Phật mơ-hồ, viễn-vông, nói việc xuất-thể-gian, mà bỏ việc hiện-tại.

b) Có người ít được trực-tiếp dính vào việc Hội, hay ở xa không rõ được tinh-thể, nghĩ rằng Hội đã không biết thực-hành theo đúng tinh-chỉ của Đạo. Nhận thấy một vài sự chia rẽ giữa hàng hội-hữu,

họ lo sợ ai ngoại cho tương-lai. Họ càng đau xót hơn khi biết rằng ngoại đạo nương vào đấy để bài bác chánh-pháp khiến lòng tin-nhiệm của tín-dồ trong nước khó lòng giữ được nguyên-vẹn, đổi-dảo. Họ phản-vấn tự hỏi vì sao những người-trực-liệp eham lò việc hội không thiệt-hành hai chữ hợp-tác để công-việc hoằng-phap của hội được mau thành-tựu.

Vì sao có những điều ngộ-nhận ấy? Nguyên do vẩn vì không rõ địa-vị của lý-thuyết và thực-hành trong đạo Phật và trong việc hành đạo Phật. Nay xin theo thứ-tử giải mỗi ngờ của những người ấy.

1) Chúng ta nên biết rằng: lý-thuyết và thực-hành bao giờ cũng có một địa-vị tương đương trong đạo Phật. Phải biết lý-thuyết tất phải thực-hành, và muốn thực-hành đúng cần phải học lý-thuyết. Xét trong lịch-sử, những thời-kỳ nào khéo dung-hòa cân xứng hai phần ấy đều thấy Phật-giáo cực-kỳ hưng-thịnh và nhân-sanh an-lạc. Xứ Ấn-độ dưới triều vua A-Dục, nước Tàu dưới đời Đường, nước ta dưới đời Trần, đã chứng rằng ảnh-hưởng của Phật-giáo rất sâu-xa mâu-nhiệm, đủ sức đem lại cho xã-hội một hạnh-phúc bền-bỉ, thiết-thiết. Nền văn-minh xâng-dựng theo nguyên tắc nhà Phật không phải chỉ là những lầu-dài mây-lê, những công cuốc xã-hội thường vụng về ehe đây một mầm xung-dot, phả-hoại, rất nguy-hiểm. Phật-giáo khéo tạo cho dân tộc tin vâng chánh-pháp, một tinh-thần hiền-hòa, yên pui hiếm cõi khiết óng Baden Powel người sáng-lập chủ nghĩa Hướng đạo, phải ngạc nhiên khen ngợi cho dân Diển-diện là dân sung sướng trên thế-giới. Nền trãi qua bao việc biến-thiên, nước ta vẫn còn giữ được một nền đạo-đức vững chắc, một phần lớn chính là nhờ cái di-sản tinh-thần của những thời kỳ biết học và thiết hành lý-thuyết nhà Phật. Cảnh tượng suy đồi ngày

nay không phải lỗi của đạo Phật, cũng không là lỗi của các hội Phật-học không biết thuật hành đạo Phật. Lỗi, một phần lớn chính là sự linh-dồ không rõ lý-thuyết, không học lý-thuyết mà đã vội thực hành.

2. a) Cho nên các bạn trẻ tuổi cần xét rõ tinh thê ấy để hiểu vì sao hội đã và vẫn còn thiền về mặt lý-thuyết, chăm lo việc thiết-pháp, giảng dạy, hơn là việc áp dụng một cách rộng rãi những lời dạy từ-bi bình-dâng của Phật Phật-giáo-dồ ngày nay chẳng khác một bệnh nhân trầm trọng. Bạn trẻ hào thực hành trong hội chẳng khác nào những người thân thuộc của bệnh nhân yêu cầu dùng thuốc ngoại khoa cho đỡ cơn mê sot, thuốc ngoại khoa hẳn cũng cần, nhưng phương thuốc cốt yếu, phải to chổ huy nát trong tạng phủ nguyên do chính của chứng bệnh trong trường hợp này. Nguyên do ấy chính là cái nạn không rõ lý-thuyết nhà Phật. Bậc đàn anh sáng suốt đã rõ chỗ khuyết-diểm ấy, nên trên 10 năm nay đã cực lực tuyên-truyền đem chỗ chấn-thật của đạo ra giảng dạy, đánh đổ bao nhiêu thành kiến, phá bỏ bao nhiêu điều ngộ nhận. Thanh-nien chúng ta ngày nay có thể qui ngưỡng về Phật giáo thâm nhập những chỗ tinh túy của Đạo, há lại không niệm đến công ơn hoằng pháp ấy hay sao? Chúng ta nên hiểu rằng một người thật rõ lý-thuyết khi nào cũng nghĩ đến thực hành, nhưng kẻ biêt nhìn xa phải khéo nhai thay điều gì nên thực hành ngay, và điều gì chưa thể thực hành được. Mười năm về trước, bậc đàn anh không thực hành theo ý ta muốn, chẳng qua vì họ biêt nếu rõ lý-thuyết, còn cần thiết hơn nghĩa lăn, Chúng ta ngày nay mà có thành công chẳng trong việc kiến thiết gãy

dụng, áu cũng là nhờ ơn don đường dẹp lối của họ, khiến một số đông người đã rõ chỗ siêu việt của lý-thuyết nhà Phật. Chúng ta nên biết nếu từ trước họ cũng thề theo ý ta kêu gọi thực hành thi hội Phật-học ngày nay chỉ là một đoàn thể ô-hợp mê-tin xin xăm, xin què, lén đồng, lén bồng, chia phe, chia đảng, thù ghét ghen tị nhau vì những duyên cớ nhỏ mọn.

b) Gần đây, nỗi tệ hại sau cùng này gần như muốn xuất-hiện. Một vài lời thanh-minh để ngăn ngừa những kết quả không hay, thường cũng không phải là vô-ich :

Một người Phật tin Phật không thề chỉ tin noi một ông thầy này hay một ông Cư-sĩ nọ. Đạo Phật đã không phải là một văn đề cá nhân thì những điều xích-míc giữa cá-nhân là những điều nhỏ mọn không đáng cho chúng ta lưu ý đến. Chúng ta cần phải giữ trung minh-mẫn để phản-biện chán nản lờ, đừng để cao nãnh kẻ giả-tâm lợi-dụng những danh-tit to lớn, đem một việc cá nhân làm một vấn-dề của toàn-thể để lừa gạt người nhẹ dạ. Điều gì chúng ta chưa rõ, chúng ta hãy đến nhanh tận nơi, xét tận gốc, chờ với phản đoán cẩn, làm mất lòng tin-nhiệm của phản đồng đạo-hữu. Hiện tinh của Phật-giáo-đồ hẳn còn lầm chỗ súi nát, xấu-xa, ai người có nhiệt tâm lại khen bùi-ngùi ái-ngại. Nhưng đã ái-ngại thì phải kiền-thiết, chí tham-thở, trách móc nào có thể chi? Kẻ tham thố trách-móc chỉ khéo làm mồi cho những người lợi dụng manh-tâm chia rẽ để phản hoại công-việc của họ.

Bên phản của chúng ta ngày nay không phải là di huai công-tüm xem thử lỗi vì đâu mà có cái hiện-lại đáng buồn này. Trong các kết-quả chúng của

đoàn-thê, ta, một phần-tử của đoàn-thê ấy, ta cũng
đự một phần trách nhiệm thi trách người sao bằng
hãy tự trách lấy mình đã. Quá-khứ đã lỗi làm, hiện-
tại là một điều đã đến, không thể đổi được, thi
ta hãy bình-tâm nhận lấy và tương-lai, do sức ta
gầy dựng, ta phải hết lòng lo cho nó được tốt đẹp.

« Y Pháp bắt y nhan »; ta không phải theo vị
này hay vị nọ, ta chỉ cần xét xem công việc làm
có sai chánh-phap hay không, có vì tư lợi hay không ?
Nếu không, ta phải tận lực giúp vào, để cũng nhan
kiến-thiết một ngày mai rực rỡ, ngày mai ấy là ngày
mà Chánh-phap được truyền-bá khắp nơi.

LỤC-HÒA



TỈNH HỘI THỪA - THIÊN

Đọc ngày rằm tháng tư An-nam nhân buổi họp của tất cả ban Đồng-Ấu

Các Đạo-hữu Kiểm-ban,

Trong buổi họp cuối-cùng của các Đạo-hữu trong khi dì
êam trại ở Mây nước Bến-Mai, tôi đã có dịp cảm ơn các
Đạo-hữu hết tâm-sوت sắng-dũng-mạnh theo ban Quản-trị
để tu học; trong dịp ấy tôi nhờ các đạo-hữu gánh một
gánh nặng là sự giáo-dục của các em Đồng-Ấu.

Sáu tháng vừa qua, trên nhờ Phật-tổ gia-hộ, dưới nhờ
lòng sot-sắng của các đạo-hữu trong khuôn, các đạo-hữu đã
tập được các ban Đồng-Ấu, theo như chương-trình Tỉnh-Hội
và ban Quản-trị đã vạch. Ngày nay các Đạo-hữu đem các
em họp tại đây, trước lễ Phật, sau để tỏ bày công việc
của các Đạo-hữu đã làm. Tôi xin đại-diện Tỉnh-Hội cảm
nhờ các Đạo-hữu và khuyên các Đạo-hữu cứ dũng-mạnh
tinh-tẫn trong công việc các Đạo-hữu đang deo-đuỗi. Tôi xin
hứa sẽ đem hết lòng thành-thực giúp ban Quản-trị và các
Đạo-hữu đi cho tới mục-dịch của ban Đồng-Ấu.

Các em Đồng-Ấu,

Nhờ tấm nhiệt-thành của ban Quản-trị, nhờ sự sot-sắng
của các vị Kiểm-ban, nhờ lòng báu-ái của các bậc phụ-huynh
và nhờ sự giúp đỡ của ban Bảo-trợ, các em ở thôn-quê,
thành-thị, xa cách nhau chưa từng nghe lời huấn-luyện
heo lòn-chỉ đạo Phật, ngày nay đã gần gũi nhau, họp thành
lợi ngày kia sẽ thành những Phật-tử chân-chánh.

Các em có biết rằng: Trong lúc các em chơi bời ở ngoài
m, hoặc ở ngoài đồng, đứa nhảy vui-vẻ, thì tại Hội-quán
lý một nhóm người bỏ chơi bời bỏ sự mệt-mê ở sông
rong, bỏ những buổi vui ở rạp Hat hay rạp chiếu bóng.
Nhóm người đó đều đêm đêm ngày ngày để ý luôn đến

Các em có biết rằng : Cha mẹ các em hết sức chịu cực chịu khổ mà nuôi các em đi học, lo áo quần cho các em mặc, trong khi các em đau-ốm, cha mẹ phải thức khuya dậy sớm, chạy thầy chạy thuốc cho các em.

Vậy ngày nay có duyên họp tại đây, trước đền lê đức Phật Thích-Ca, là đức Bổn-sư của chúng ta, sau đền chung cùng sống trong một ngày. Các em phải nhớ đến công-đức các vị mà tôi đã kể trên.

Ở nhà các em phải vâng lời Thầy Mẹ, thuận thảo anh em chị em trong nhà.

Ở trường các em phải gắng học cho thuộc bài, làm bài cho hay để vui lòng Thầy giáo.

Khi các em họp chúng, các anh Kiêm-ban đem các em tung-niệm trước bàn Phật là cố ý nhắc luôn luôn cho các em rằng : Ngày xưa có một đức Phật khi chưa xuất-gia, Ngài là một vị Hoàng-tử, thông-minh sung-sướng hoàn-toàn ; nhưng vì Ngài thấy xung-quanh Ngài biết bao nhiêu là sự khổ-não : như đau, già, chết, Ngài đã kiêm con đường để cho chúng-sanh theo đó mà tự cho thoát khổ. Đức Phật đó là đức Phật Thích-Ca, Ngài đã hóa-thân để cứu-dộ biết bao nhiêu chúng-sanh. Và khi các em niệm đến danh-hiệu Ngài là Ngài đã sẵn-sàng giúp đỡ các em trong sự tu học. Các em sẽ noi theo gương Ngài mà tinh-tấn tu hành, hiếu thuận, lè-phép, học-hành, và khi các em lớn lên các em biết trọng đạo Phật nhiều hơn, các em sẽ noi theo gương đó mà thành người Phật-tử chân-chính.

Khi các anh Kiêm-ban dạy cho các em hát, trong những bài hát đều có những câu luân-lý, hay là những tánh cách vui-vẻ, hay là có những đều báo đáp ơn Phật, công ơn Vua công ơn cha mẹ và bồn-phận đối với Thầy, đối với xã-hội.

Khi các anh Kiêm-ban bày trò chơi, cho các em chơi các trò chơi đó hoặc là bồi-ich cho tinh-thần các em, hoặc là kiểm cách vẽ cho các em được lành-le hơn, hoặc dạy cho các em

xét coán cho mâu-tai nghĩ cho khôn-ngoan.

Khi các anh Kiêm-ban đem các em đi cắm trại là cõ ý bày cho các em sống một ngày hoặc một buổi ở giữa trời, không-khi mat-mě, để tập luyện cho các em tự kiêm cách đợn lấy một bữa cơm, tự kiêm lấy đồ ăn mà ăn tự kiêm lấy nước mà uống.

Khi các anh Kiêm-ban vế cho các em ăn chay là các anh ấy muốn cho các em sống một cuôc đời giản-dị Khi các em có đồ ăn hoặc không có đồ ăn, các em chỉ kiêm ít muối mè hay ít muối trắng cũng đủ một bữa ăn.

Vậy những điều mà các anh Kiêm-ban đem bày vế cho các em là lợi-ich cho tinh-thần, cho thân thể các em. Các em phải vâng theo luôn luôn mới thấy sự bồ-ich của cách sống trong ban Đồng-âu.

Nói tóm lại, dùn khi ở nhà, ở trường, ở chung, các em gắng làm bết bõn-phận, như vậy các em mới đáng gọi là Phật-tử.

Còn khi các em ra đường thấy những vị lão-thành, những người lớn-tuổi hơn các em, dù đàn ông hay đàn bà, các em phải tưởng-tượng rằng đó là những bậc phụ-huynh của các em, các em phải cung kính lễ phép với các vị ấy.

Khi các em gặp Thầy Tang-già, các em phải cất nón chào, hết sức lễ phép, để làm thế nào tránh khỏi tiếng các em là người không có giáo-dục.

Từ khi các em bước chân vào trong chung, các em đã thấy xung quanh các em bao nhiêu người thương các em, vì vậy các em nên đem lòng thương những người nghèo-khổ, kẻ hèn yếu và những loài vật, các em cũng đừng nên bắt chim, bắt chuột, đó là một cái đường các em đương theo để về sau ngày kia, các em lớn, các em sẽ đeo đuổi một mục đích lớn hơn, mục đích mà Hội Anam Phật Học ngày nay đương đeo-duỗi là làm thế nào cho giữa vũ trụ này hết sự phiền-não.

Sau này muốn khuyến khích các « Chúng », Tông-Trị-Sư và Tỉnh Hội Thừa Thiên cò cho hai giải-thưởng cho chúng nào đã tinh-tẫn, ngoan ngoãn, có trật-lự hơn các chúng khác. theo lời Ban Quản-trị Đồng ấu đã trình, hai lá cờ này bằng năm sẽ luân-chuyển.

Tôi rất trông mong các chúng nào chưa được cờ, trong năm sẽ đến, sẽ gắng sức chăm chỉ, học giỏi Phật-Pháp, vâng lời, trật-tự, lo-lắng, khéo léo hơn để đến kỳ họp sang năm được lấy cờ này.

Đến tối nay sau khi lễ Phật các chúng sẽ về thèn-què, tôi xin chúc các chúng được mạnh-giỏi, tinh-tẫn hơn năm, vừa qua và tôi trước-mong kỳ họp lần sau sẽ được đồng đủ hơn, và chúng nào cũng ngoan ngoãn hơn.

Nam-mô Bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật



FRATIQUE DE LA MÉDITATION

(suite)

Où qu'il regarde, il ne voit que ces trois caractéristiques. Il comprend que la vie est un courant continu, un mouvement continual indivisé, que ni dans le ciel, ni sur la terre, il n'est de bonheur absolu, car toute forme de plaisir est prélude de peine, ce qui est impermanently porte de soi le germe de la douleur et là où l'impermanence et la douleur prévalent, il ne peut y avoir un égo permanent.

Ainsi absorbé dans la méditation un jour vient où, à sa prise, il constate un « aura » autour de son corps. Il ressent un plaisir, un bonheur une quiétude encore inexpérimentée. Il devient appliqué et stable d'esprit, sa faveur augmente, son attention devient parfaite et sa vision pénétrante d'une grande acuité, il imagine qu'il a atteint l'état de perfection, surtout à cause de la présence de l'aura et il désire ardemment cet état d'esprit. Mais bientôt il comprend que ces tentations ne sont que des empêchements à la vision pure et qu'il n'a pas atteint l'état de perfection, il essaie alors de distinguer le bon sentier du mauvais.

III

Apparition et disparition des phénomènes

Ayant trouvé le bon sentier, il porte sa méditation sur l'apparition et la disparition des choses conditionnées. De ces deux caractéristiques, la dernière est plus fortement imprégnée en son esprit, car la disparition est plus apparente que la formation.

Donc, il contemple la dissolution de toutes choses. Il perçoit que l'esprit et la matière qui constituent

cette personnalité sont dans un état de flux constant, ne démenant pas semblables deux moments consécutifs. Il commence à comprendre que cette dissolution est à craindre (comme on doit redouter des sables mouvants). Le monde entier lui apparaît comme un gouffre brûlant, une source de dangers. Il réfléchit à l'état misérable, à la vanité de ce monde redoutable et méchant pour lequel il éprouve de l'aversion, et ainsi naît en lui le désir d'y échapper sur un plan transcendental.

IV

L'indifférence ou le détachement

Dans ce but, il médite de nouveau sur les trois caractéristiques de l'existence et dès lors, devient complètement indifférent à toutes choses conditionnées ne nourrissant ni attachement, ni aversion pour aucun objet du monde. Ayant atteint ce point de culture mentale, il prend comme sujet de méditation, celle des trois caractéristiques, qui l'attire le plus et travaille à développer intensément la vision pénétrante en réfléchissant sur cette caractéristique, jusqu'au jour magnifique où lui vient la joie indescriptible de réaliser pour la première fois la paix qui est un avant-goût de ce qui est le Nibbana..

Plan à suivre pour pratiquer la méditation sur le « Moi ».

Répéter les trois salutations - comme pour la méditation Paix.

Fermé presque les yeux.

1. En expirant et aspirant 10 fois pratiquer les respirations longues et profondes.

2. En expirant et aspirant 10 fois, pratiquer les res-

pirations courtes et rapides.

3. Laisser la respiration s'établir normalement.
Observer la respiration.

Méditation sur le « Moi »

I

Examen du « Moi »

Observer, examiner le « Moi », se dire :

Le « Moi » n'est qu'un composé d'esprit et de matière.
(Le mental - le corps)

L'esprit (le mental) n'est que le résultat des activités volitionnelles produites par le contact des sens.

La matière (le corps) n'est qu'un composé des formes et qualités se manifestant dans des phénomènes.

II

Méditer la cause du « Moi »

A

Toutes choses (et soi-même) sont conditionnées par une cause, ou des causes antérieures.

L'existence du « Moi » est due :

1. A l'ignorance (dans le passé de cette ignorance est né le désir).
2. Au désir avide (d'existence phénoménale).
3. A l'attachement (à la vie), à des êtres, à des objets.
4. Au Kamma (résultat des actes et pensées dans le passé).
5. À la nourriture dans cette vie.

Ma personnalité résulte de ces cinq causes.

B

Ce que je pense,

Ce que je dis,

Ce que je fais maintenant conditionnera ma vie future.

C

Toutes choses conditionnées sont :

1. Impermanentes,

2. Non satisfaisantes (nulle part de bonheur durable et absolu).

3. Sans entité fixe (puisque tout change à chaque instant, il ne peut y avoir un ego permanent.)

Donc la vie n'est qu'un courant continu, un mouvement perpétuel

III

L'apparition et la disparition des phénomènes

A

Contempler la dissolution de la personnalité (esprit et matière) qui change à chaque instant.

Se dire :

Toute chose composée est vouée à la dissolution.

La vie phénoménale est instable et ressemble à des sables mouvants:

Futile, vaine, pleine de pièges et de peines.

B

Ainsi vient le dégoût du phénoménal.

Ainsi naît le désir d'échapper à l'emprise de la personnalité.

(à suivre)

TIN TỨC

LỄ MÃN KHÓA LỚP HỌC PHẬT-PHÁP « LỤC-HÒA »

Lớp học Phật-pháp mở trong vụ hè năm nay (2506) đã mân-khoa hôm 31-7.

Vì các sanh-viên học theo lớp này nguyên theo qui-tắc « Lục-hòa », nên khóa học này lấy tên « Lục-hòa ».

Chương-trình học vừa kịp hết, song vì học sanh đều trình-dộ Thành-đạo không được bao nhiêu, nên các Ngài Giảng-sư lấy Đại-thừa khí-tín thế vào.

Ngày 30-7 các học-sanh tổ-chức một cuộc di-choi sác-thắng-cảnh ở Huê viếng các chùa và các lăng-gần.

Ngày 31-7, làm lễ « mân-khoa ».

Sau khi làm lễ tạ Phật, anh em nhóm tại nhà Giảng-đường để tiếp Tông-trí-sư và Tỉnh-hội Thừa-thiên. Anh Thủ đọc diễn-văn cảm-tạ, rồi đến cuộc tiệc trà thần-mật.

Trước lúc chia tay từ-giã, đạo-bửu Nguyễn-khoa-Toàn đến dự lễ ó nói một vài lời chỉ các khuyết-diểm trong Hội và mong anh em gắng bồ-cứu.

Ước ao lớp học « Lục-hòa » 2507 sẽ được đủ duyên để mở và sẽ được kết quả mỹ-mản hơn lớp năm nay nữa.

BẢN KÈ HỘI-VIÊN TỰ TRÀN CÁC TỈNH

Tỉnh-hội Faifoo

Tên họ	Tuổi	Chỗ quan	Hạng hội viên	Ngày tự trào
Bùi-Hiếu	46	Làng Phong-bắc		
		Huyện Hòa-vang	Thiệt-hành	21-1-43 tức là 2
		Tỉnh Quảng-nam		tháng 2 Annam
Lưu-Vinh	47	Làng Hạnh-tây		
		Phú Duy-xuyên	Thiệt-hành	25-1-43 tức
		Tỉnh Quảng-nam		21-3 Annam
Ng-thị-Ouyễn	56	Làng Đạ-sơn		
		Huyện Đại-độc	Tùy-hỷ	21-3-43 tức
		Tỉnh Quảng-nam		9-2 Annam
Lý-thị Hoa	27	Làng Minh-hương		15-4-43 tức
		Phú Điện-bản	Tùy-hỷ	11-3 Annam

Tỉnh-hội Kontum

Ng-th Hoàn	55	Võ-lâm	Tùy-hỷ	3-2-43

Têa họ	Tuổi	Chánh quán	Hạng hội viên	Ngày từ trần
Võ-thị Phan	60	Lương-khé	Tùy-hỷ	26-2-43
Trần-Hai	61	Ngu-my (Khanh-hòa)	Thiệt-hành	3-4-43

Tỉnh-hội Phanrang

Ng-van-Dinh	47	Sơn-hải, Phanrang	Tùy-hỷ	19-3 B. D. 18
Hà-thị-Biếc	45	An-xuân	Vĩnh-viễn	
		Phanrang	Tùy-hỷ	21-3 B. D. 18
Ph-phù-Hưng	62	Bảo-an, Phanrang	Thiệt-hành	8-4 B. D. 18
Mai-v-Vinh		Hải-châu, Tourane	Thiệt-hành	10-4 B. D. 18

Tỉnh-hội Haut Donnai

Ng-bà-Phung	36	Quảng-nam	V. v. tùy-hỷ	1-2-43
Phạm-Kiều	35	Quảng-nam	V. v. tùy-hỷ	1-2-43
Ng-thị-Chí	70	Bình-dịnh	Tùy-hỷ	8-6-42
Nguyễn-Biểu	68	Đồng-nai	Thiệt-hành	26-6-42
Lê-ngọc-Kỳ		Đồng-nai	Tùy-hỷ	3-2 Quý-vi.
Ng-thị-Sâm		Đồng-nai	Thiệt-hành	25-10-42
Ng dh-Pháp		Đồng-nai	Tùy-hỷ	30-10-42
Lê-thị-Ho		Đồng-nai	Tùy-hỷ	16-11-42
Ng-nhất-Tân		Đồng-nai	Tùy-hỷ	20-11-42
Trần-thị-Tùng		Đồng-nai	Thiệt-hành	21-11-42
Trần-thị-Mai		Lâm-viên	Tùy-hỷ	5-1-42
Nguyễn-Thả		Lâm vién	V. v. tùy-hỷ	25-9-42

Tỉnh-hội Khánh-hòa

Đào-v-Mưa	40	Khánh-hòa	V. v. tùy-hỷ	7-1-43
Tr-v-Chánh	65	"	Tùy-hỷ	12-1-43
Ph-thị-Được	63	"	"	19-3-43
Ng-thị-Cặng	57	"	"	20-3-43
Bùi-thị-Thêm	46	"	"	20-3-43
Ng-thị-Sử	66	"	V. v. tùy-hỷ	23-3-43

Tỉnh-hội Phú-yên

Ng v Đoan	70	Phú yên	Tùy hỷ	28-4-43
-----------	----	---------	--------	---------

Tỉnh-hội Quảng-bình

Tử Hưng		Phủ Quảng-ninh	Tùy hỷ	19-3-42
Lê Xe		Huyện Lê-thùy	"	27-7-42
Đặng Cát		Phủ Quảng-ninh	"	4-9-42
Lê Tân		Huyện Bố-trạch	"	9-9-42
Đặng Phạc		Huyện Lê-thùy	"	"
Phạm Xuân		"	"	"
Ng bà Huân		"	"	22-9-42
Lê thị Miêu		"	"	17-10-42

Tên họ	Tuổi	Quân quan	Hạng hội viên	Ngày lùi trần
Trương Văn		Quảng ninh	Tùy-hỷ	2-1-43
Lê đức Thủ		Lê thủy	"	5-2-43
Nguyễn Hội		Quảng ninh	"	21-2-43
Ng cao Hoat		Lê thủy	"	3-4-43
Võ thị Chỗi		Bố trách	"	
Trần văn Lạc		Phủ Thừa thiên	"	
Ng xuân Khai		Quảng ninh	Thiệt hành	11-2-42
Lê Tân Đức		"	"	1-8-42
Nguyễn Lâm		Lê thủy	"	6-8-42
Ng đức Hán		"	"	15-5-43
Lâm thị Thuần		"	"	24-3-43
Hoàng ngọc Nhĩ		Bố trách		
Hồ Suyễn		Quảng "ninh"		

Phú-yên Tỉnh-hội

Trần v Ngự		Phú yên	Tùy hỷ	28-7-43
Lê Quyên	39	Quảng nam	Thiệt hành	2-7-3 Annam
Ph thi Coi	62	Phú yên	Thiện tín	12-4 Annam
Nguyễn Bộ	57	"	Tùy hỷ	13-5 Annam
Ng thi Thư	33	"	Tùy hỷ	15-5 Annam

Quảng-nam Tỉnh-hội

Nguyễn Tuệ	47	Quảng nam	Thiệt hành	10-4-43
Phan Diển	63	"	Tùy hỷ	23-4-43
Đoàn Phi	54	"	"	8-4-43
Hà châu Biên	27	"	Thiệt hành	15-6-43
Nguyễn Sanh	71	"	Thiện tín	2-5-43
Võ thi Kiều	60	"	"	13-5-43

Dalat Tỉnh-hội

Phan đh Mai	33	Thừa thiên	Tùy hỷ	28-5-43
Nguyễn Tuân		Quảng nam	v. v. tùy hỷ	17-4-43
Đỗ văn Minh		Djiring	"	28-5-43
Trần Đức		"	Tùy hỷ	14-4-43
Sài Ngay		Quảng ngãi	Thiệt hành	6-2-43
Trần thị Đặng		Bình định	Tùy hỷ	2-4-43

Các Tỉnh-hội đã làm lễ Cầu-siêu cho các Hội-viên qua-có trên này ; Bản-san xin cò lời chia buồn cùng tang-gia, và xin thành-thực cầu nguyễn cho Hương-linh được vãng-sanh Tịnh độ Tây-phương.